

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 5 – 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.
2. Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm: 1993 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện M, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1985 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện H, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 12 năm 2021, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn T đã tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng với ông T từ năm 2013 đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện H vào ngày 14/10/2013. Thời gian chung sống vợ chồng bà có một người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 15/12/2014, giới tính: Nữ. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng sau khi sinh con thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, ông T không gần gũi bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày 15/12/2014, giới tính: Nữ. Trong thời gian sống ly thân bà P là người trực tiếp nuôi con chung, nhưng gần đây ông T trực tiếp nuôi để con đi học. Nay bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc V và bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân đã tổng đạt hợp lệ tất cả các giấy tờ theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự cho ông Nguyễn Văn T, ông T có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà P.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về hôn nhân: Vợ chồng bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà P nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông T có rất nhiều mâu thuẫn, bất đồng không thể giải quyết được, đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Hơn nữa, bà P và ông T đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu của bà P về việc ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

+ Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày: 15/12/2014, giới tính: Nữ. Xét thấy, từ khi bà P và ông T ly thân thời gian đầu bà P là người trực tiếp nuôi con chung, bản thân bà P có thu nhập ổn định và cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ để mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Mặt khác, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà P. Do đó, yêu cầu của bà P là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

+ Về cấp dưỡng: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Đối với ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông T là phù hợp quy định của BLTTDS.

Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Hồng P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn T không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản cho ông Thật, nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà P và ông T chung sống từ năm 2013, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, ông T không còn sống chung với bà P từ cuối năm 2021 đến nay và không có gần gũi nhau nên tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, ông T có thái độ không quan tâm quan hệ hôn nhân với bà P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà P với ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà P có sinh một đứa con tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày: 15/12/2014, giới tính: Nữ. Nay bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc V và bà P không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, đồng thời cháu V cũng có nguyện vọng ở với mẹ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng: Ông T không có mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con, bà P không có yêu cầu nên không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Không có nợ.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày: 15/12/2014, giới tính: Nữ (Hiện cháu V đang sống chung với ông T).

Ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ giao con chung Nguyễn Thị Ngọc V, sinh ngày: 15/12/2014, giới tính: Nữ cho bà Nguyễn Thị Hồng P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con nhưng ông T được quyền đến thăm nom, chăm sóc giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng tiền án hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003069 ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà P đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành